TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
TỔ: SINH HỌC
(Lưu hành nội bộ)

ĐỀ THI THỬ QUỐC GIA
NĂM HỌC: 2014 – 2015
MÔN: SINH HỌC LỚP 12
Thời gian: 90 phút

Họ và tên HS:..... Lớp:.....

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A																									
B																									
C																									
D																									

	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A																									
B																									
C																									
D																									

Chọn đáp án đúng nhất

Mã đề: 158

Câu 1. Cơ chế nào sau đây dẫn đến đột biến lệch bội?
A. Trong quá trình phân bào, một hoặc một số cặp nhiễm sắc thể nào đó không phân li.
B. Trong quá trình phân bào, xảy ra trao đổi chéo không cân trong cặp nhiễm sắc kép tương đồng
C. Trong quá trình phân bào, tất cả các cặp nhiễm sắc thể không phân li.
D. Một đoạn nhiễm sắc thể nào đó bị đứt và được nối vào một nhiễm sắc thể khác trong tế bào.

Câu 2. Ý nghĩa về mặt lý luận của định luật Hacđi - Vanbec là
A. từ cấu trúc di truyền của quần thể xác định được tần số tương đối của các alen.
B. giải thích được vì sao quần thể là đơn vị tiến hóa của loài trong tự nhiên.
C. giải thích được tính ổn định trong thời gian dài của các quần thể trong tự nhiên.
D. dự đoán được xác suất bắt gặp một thể đột biến nào đó trong quần thể.

Câu 3. Một quần thể thực vật lưỡng bội, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Ở thế hệ xuất phát (P) gồm 25% cây thân cao và 75% cây thân thấp. Khi (P) tự thụ phấn liên tiếp qua hai thế hệ, ở F_2, cây thân cao chiếm tỉ lệ 17,5%. Theo lí thuyết, trong tổng số cây thân cao ở (P), cây thuần chủng chiếm tỉ lệ
A. 25% **B.** 5% **C.** 12,5% **D.** 20%

Câu 4. Ở một loài thực vật lưỡng bội, tính trạng chiều cao cây do hai gen không alen là A và B cùng quy định theo kiểu tương tác cộng gộp. Trong kiểu gen nếu cứ thêm một alen trội A hay B thì chiều cao cây tăng thêm 10 cm. Khi trưởng thành, cây thấp nhất của loài này có chiều cao 100 cm.Giao phấn (P) cây cao nhất với cây thấp nhất, thu được F1, cho các cây F2 tự thụ phấn. Biết không có đột biến xảy ra, theo lí thuyết, cây có chiều cao 120 cm ở F_2 chiếm tỉ lệ
A. 37,5%. **B.** 6,25%. **C.** 50,0%. **D.** 25,0%.

Tổ Sinh học Trường THPT Nguyễn Thái Bình – Phú Yên

Câu 5: Tổng hợp một phân tử mARN nhân tạo trong môi trường chỉ có 2 loại nuclêôtit A và U, thì số loại bộ ba mã hóa axitamin tối đa có trên phân tử mARN đó là

A. 5. **B.** 7. **C.** 8. **D.**27.

Câu 6: Trong cơ chế điều hoà hoạt động của opêron Lac, sự kiện nào sau đây diễn ra cả khi môi trường có lactôzơ và khi môi trường không có lactôzơ?

A. Một số phân tử lactôzơ liên kết với prôtêin ức chế.

B. Gen điều hoà R tổng hợp prôtêin ức chế.

C. Các gen cấu trúc Z, Y, A phiên mã tạo ra các phân tử mARN tương ứng.

D. ARN pôlimeraza liên kết với vùng khởi động của opêron Lac và tiến hành phiên mã.

Câu 7: Phép lai P: ♀ AaBbDd × ♂ AaBbDd. Trong quá trình giảm phân hình thành giao tử đực, ở một số tế bào, cặp nhiễm sắc thể mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân II; giảm phân I diễn ra bình thường. Quá trình giảm phân hình thành giao tử cái diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, phép lai trên tạo ra F1 có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen?

A. 42. **B.** 24. **C.** 56. **D.** 81.

Câu 8: Cho các nhận định về sự khác nhau giữa nhân đôi ADN ở prokaryote và eukaryote:

(1) Sự sao chép ADN ở eukaryote đòi hỏi thời gian dài hơn.

(2) Sự sao chép ADN ở prokaryote đòi hỏi thời gian dài hơn (6 -8 giờ).

(3) Dọc theo ADN của eukaryote có rất nhiều điểm khởi đầu sao chép.

(4) Sự sao chép ADN ở prokaryote xảy ra với tốc độ nhanh hơn.

(5) Sự sao chép ADN ở eukaryote có số enzim nhiều hơn.

(6) Sự sao chép ADN ở prokaryote xảy ra theo một chiều còn sự sao chép ADN ở eukaryote xảy ra theo 2 chiều, một mạch được tổng hợp liên tục, còn mạch kia tổng hợp gián đoạn.

(7) Trong sao chép ADN ở prokaryote, một mạch được tổng hợp liên tục, còn mạch kia tổng hợp gián đoạn.

Có bao nhiêu nhận định đúng ?

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

Câu 9: Một cơ thể thực vật có kiểu gen AaBb, khi quan sát quá trình giảm phân hình thành giao tử có 10% tế bào rối loạn phân li trong giảm phân I ở cặp Aa và 20% tế bào khác rối loạn phân li giảm phân II ở cặp Bb. Các sự kiện khác diễn ra bình thường, các tế bào còn lại giảm phân bình thường. Theo lí thuyết, giao tử (n + 1) chiếm tỉ lệ là

A. 30%. **B.** 13%. **C.** 2%. **D.**15%.

Câu 10: Cho biết mỗi tính trạng do một cặp gen quy định và trội hoàn toàn, có hoán vị gen với tần số 40%, cho hai ruồi giấm có kiểu gen ♀ $\frac{Ab}{aB}$Dd và ♂ $\frac{AB}{ab}$Dd lai với nhau. Cho các phát biểu sau về đời con:

(1) Kiểu hình A-B-dd chiếm tỉ lệ 15%. (2) Kiểu gen $\frac{ab}{ab}$ dd có tỉ lệ lớn hơn 3%.

(3) Kiểu hình A-bbD- chiếm tỉ lệ 15%. (4) Kiểu gen $\frac{AB}{ab}$Dd chiếm tỉ lệ 5%.

(5) Kiểu hình aaB-D- chiếm tỷ lệ 11,25%.

Có bao nhiêu phát biểu đúng?

A. 5. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 11: Xét trường hợp một gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn so với alen lặn. Trường hợp nào sau đây biểu hiện ngay thành kiểu hình?

(1) Loài đơn bội, đột biến gen trội thành gen lặn.

Tổ: Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

(2) Loài lưỡng bội, đột biến gen trội thành gen lặn, gen nằm trên NST giới tính X không có alen tương ứng trên Y và cá thể có cơ chế xác định giới tính là XY.
(3) Loài lưỡng bội, đột biến gen trội thành gen lặn, gen nằm trên NST giới tính Y không có alen tương ứng trên X và cá thể có cơ chế xác định giới tính là XY.
(4) Loài lưỡng bội, đột biến gen trội thành gen lặn, gen nằm trên NST giới tính X và cá thể có cơ chế xác định giới tính là XO.
(5) Loài lưỡng bội, đột biến gen trội thành gen lặn, gen nằm trên nhiễm sắc thể thường.
(6) Loài lưỡng bội, đột biến gen lặn thành gen trội, gen nằm trên NST thường hoặc NST giới tính.

A. (2), (3), (4), (5), (6). **B.** (1), (3), (4), (6).
C. (1), (2), (3), (4), (5), (6). **D.** (1), (2), (3), (4), (6).

Câu 12: Ở một loài động vật ngẫu phối, con đực có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XY, con cái có cặp nhiễm sắc thể giới tính là XX. Xét 4 gen, trong đó: gen thứ nhất có 3 alen nằm trên nhiễm sắc thể thường; gen thứ hai có 4 alen nằm trên vùng tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X, Y. Gen thứ ba có 3 alen nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X không có alen tương ứng trên Y; gen thứ tư có 5 alen nằm trên nhiễm sắc thể giới tính Y và không có alen tương ứng trên X. Tính theo lý thuyết, loài động vật này có tối đa bao nhiêu kiểu gen về bốn gen nói trên?

A. 1908. **B.** 1800. **C.** 2340 **D.** 1548.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây đúng?

A. 1 riboxom có thể tham gia tổng hợp bất cứ loại protein nào

B. Trong dịch mã, sự kết cặp các nulêôtit theo nguyên tắc bổ sung xảy ra ở tất cả các nulêôtit trên phân tử mARN

C. Mỗi Ribôxôm gồm 2 tiểu phần lớn và bé luôn liên kết với nhau

D. mARN mang thông tin tổng hợp 1chuỗi polipeptit và hoạt động của mARN kéo dài qua vài ba thế hệ tế bào

Câu 14: Trong quá trình giảm phân của cơ thể đực có kiểu gen AaBb, ở một số tế bào, cặp NST mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, cặp NST mang cặp gen Bb phân li bình thường; giảm phân II diễn ra bình thường. Ở cơ thể cái có kiểu gen AABb, quá trình giản phân diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, phép lai : mẹ AABb x bố AaBb cho đời con tối đa bao nhiêu loại kiểu gen?

A. 6 kiểu gen **B.** 10 kiểu gen **C.** 12 kiểu gen **D.** 8 kiểu gen

Câu 15: Giả sử trên một phân tử ADN của một sinh vật nhân thực cùng lúc có 8 đơn vị tái bản giống nhau, trên một chạc chữ Y của một đơn vị tái bản, người ta thấy có 14 đoạn Okazaki. Số đoạn ARN mồi đã được tổng hợp cho quá trình nhân đôi ADN tính đến thời điểm quan sát là

A. 120. **B.** 128. **C.** 112. **D.** 240.

Câu 16: Bộ ba đối mã nào sau đây không tồn tại trên tARN?

A. 3’UAA5’; 3’UAG5’; 3’UGA5’ **B.** 5’UUA3’; 5’XUA3’; 5’UXA3’
C. 5’UAA3’; 5’UAG3’; 5’UGA3’ **D.** 3’UUA5’; 3’XUA5’; 3’UXA5’

Câu 17: Ở ruồi giấm, alen A quy định thân xám trội hoàn toàn so với alen a quy định thân đen; alen B quy định cánh dài trội hoàn toàn so với alen b quy định cánh cụt; alen D quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen d quy định mắt trắng. Thực hiện phép lai P: $\frac{AB}{ab} X^D X^d \times \frac{AB}{ab} X^D Y$ thu được F_1. Trong tổng số các ruồi ở F_1, ruồi thân xám, cánh dài, mắt đỏ chiếm tỉ lệ là 52,5%. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lí thuyết, ở F_1 tỉ lệ ruồi đực thân xám, cánh cụt, mắt đỏ là

A. 7,5% **B.** 1,25% **C.** 2,5% **D.** 3,75%

Câu 18: Ở cà chua có cả cây tứ bội và cây lưỡng bội. Gen A quy định quả màu đỏ là trội hoàn toàn so với alen a quy định quả màu vàng. Biết rằng, cây tứ bội giảm phân bình thường và cho giao tử 2n,

Tổ: Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

cây lưỡng bội giảm phân bình thường và cho giao tử n. Các phép lai cho tỉ lệ phân li kiểu hình 11 quả màu đỏ : 1 quả màu vàng ở đời con là

A. AAaa x Aa và AAaa x AAaa **B.** AAaa x Aa và AAaa x aaaa

C. AAaa x Aa và AAaa x Aaaa **D.** AAaa x aa và AAaa x Aaaa

Câu 19: Theo quan niệm hiện đại về chọn lọc tự nhiên, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Chọn lọc tự nhiên thực chất là quá trình phân hóa khả năng sống sót và khả năng sinh sản của các cá thể với các kiểu gen khác nhau trong quần thể.

B. Chọn lọc tự nhiên quy định chiều hướng và nhịp điệu biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

C. Khi môi trường thay đổi theo một hướng xác định thì chọn lọc tự nhiên sẽ làm biến đổi tần số alen theo một hướng xác định.

D. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen, gián tiếp lên kiểu hình làm thay đổi tần số kiểu gen của quần thể.

Cây 20: Một alen nào đó dù có lợi cũng có thể bị loại bỏ hoàn toàn khỏi quần thể là do tác động của nhân tố nào sau đây?

A. Chọn lọc tự nhiên. **B.** Giao phối không ngẫu nhiên.

C. Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Giao phối ngẫu nhiên.

Câu 21: Khi nói về cơ chế di truyền ở sinh vật nhân thực, trong điều kiện không có đột biến xảy ra, có những phát biểu sau:

(1) Sự nhân đôi ADN xảy ra ở nhiều điểm trong mỗi phân tử ADN tạo ra nhiều đơn vị tái bản. (2) Trong quá trình dịch mã, sự kết cặp các nuclêôtit theo nguyên tắc bổ sung xảy ra ở tất cả các nuclêôtit trên phân tử mARN.

(3) Trong quá trình tái bản ADN, sự kết cặp các nuclêôtit theo nguyên tắc bổ sung xảy ra ở tất cả các nuclêôtit trên mỗi mạch đơn.

(4) Trong phiên mã, sự kết cặp các nuclêôtit theo nguyên tắc bổ sung xảy ra ở tất cả các nuclêôtit trên mạch mã gốc ở vùng mã hoá của gen.

(5) Trong tái bản ADN, tại mỗi đơn vị tái bản, enzim ligaza chỉ tác động vào một mạch mới được tổng hợp.

(6) Có nhiều enzim ADN – pôlimeraza tham gia vào quá trình tái bản ADN.

Có bao nhiêu phát biểu **không** đúng?

A. 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 22: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa tím trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng; alen D quy định quả đỏ trội hoàn toàn với alen d quy định quả vàng; alen E quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen e quy định quả dài. Biết quá trình giảm phân diễn ra bình thường, quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái đều xảy ra hoán vị gen giữa các alen B và b với tần số 20%, giữa các alen E và e với tần số 40%.

Phép lai (P) $\frac{Ab}{aB}\frac{DE}{de} \times \frac{Ab}{aB}\frac{DE}{de}$ cho các phát biểu sau về F_1:

(1) Kiểu hình thân cao, hoa tím, quả vàng, tròn chiếm tỷ lệ 8,16%.

(2) Tỷ lệ thân cao, hoa trắng, quả đỏ, dài bằng tỷ lệ thân thấp, hoa tím, quả vàng, tròn.

(3) Tỷ lệ kiểu hình mang 4 tính trạng trội lớn hơn 30%.

(4) Kiểu hình lặn cả 4 tính trạng là 0,09%.

Những phát biểu đúng là

A. (1). **B.** (1) (2). **C.** (2). (3), (4). **D.** Không có đáp án nào đúng

Tổ Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

Câu 23: Các loài sâu ăn lá thường có màu xanh lục lẫn với màu xanh của lá, nhờ đó mà khó bị chim ăn sâu phát hiện và tiêu diệt. Theo Đacuyn, đặc điểm thích nghi này được hình thành do:

A. chọn lọc tự nhiên tích luỹ các biến dị cá thể màu xanh lục xuất hiện ngẫu nhiên trong quần thể qua nhiều thế hệ.

B. khi chuyển sang ăn lá, sâu tự biến đổi màu cơ thể để thích nghi với môi trường.

C. ảnh hưởng trực tiếp của thức ăn là lá cây có màu xanh làm biến đổi màu sắc cơ thể sâu.

D. chọn lọc tự nhiên tích luỹ các đột biến màu xanh lục xuất hiện ngẫu nhiên trong quần thể sâu qua nhiều thế hệ.

Câu 24: Ngày nay vẫn tồn tại song song nhóm sinh vật có tổ chức thấp bên cạnh các nhóm sinh vật có tổ chức cao vì

A. nhịp điệu tiến hoá không đều giữa các nhóm.

B. tổ chức cơ thể có thể đơn giản hay phức tạp nếu thích nghi với hoàn cảnh sống đều được tồn tại.

C. cường độ chọn lọc tự nhiên là không giống nhau trong hoàn cảnh sống của mỗi nhóm.

D. nguồn thức ăn cho các nhóm có tổ chức thấp rất phong phú.

Câu 25: Trong kĩ thuật cấy gen dùng plasmit, tế bào nhận thường dùng phổ biến là (M) nhờ vào đặc điểm (N) của chúng. (M) và (N) lần lượt là:

A. (M): E. coli, (N): sinh sản rất nhanh. **B.** (M): virút, (N): cấu tạo đơn giản.

C. (M): E. coli, (N): cấu tạo đơn giản. **D.** (M): virút, (N): sinh sản rất nhanh

Câu 26: Trong các nhân tố tiến hoá, nhân tố làm thay đổi tần số alen của quần thể chậm nhất là

A. đột biến. **B.** giao phối không ngẫu nhiên.

C. chọn lọc tự nhiên. **D.** Di – nhập gen

Câu 27: Trong mối quan hệ giữa: giống- kỹ thuật canh tác- năng suất cây trồng, kỹ thuật canh tác có vai trò

A. Quy định năng suất cụ thể của cây trồng.

B. Ảnh hưởng tới giới hạn năng suất của cây trồng.

C. Quy định giới hạn năng suất của cây trồng.

D. Ảnh hưởng tới năng suất cụ thể của cây trồng.

Câu 28: Dưới đây là các bước trong các quy trình tạo giống mới:

I. Cho tự thụ phấn để tạo ra các giống thuần chủng.

II. Chọn lọc các thể đột biến có kiểu hình mong muốn.

III. Xử lý mẫu vật bằng tác nhân đột biến. IV. Tạo dòng thuần chủng.

Quy trình nào sau đây đúng nhất trong việc tạo giống bằng phương pháp gây đột biến?

A. I → III → II **B.** II → III → IV **C.** III → II → I **D.** III → II → IV

Câu 29: Một quần thể ở thế hệ F_1 có cấu trúc di truyền 0,36AA: 0,48Aa: 0,16aa. Khi cho tự phối bắt buộc, cấu trúc di truyền của quần thể ở thế hệ F_3 được dự đoán là:

A. 0,57AA: 0,06Aa: 0,37aa. **B.** 0,36AA: 0,48Aa: 0,16aa.

C. 0,48AA: 0,24Aa: 0,28aa. **D.** 0,54AA: 0,12Aa: 0,34aa

Câu 30: Cá rô phi ở nước ta có giới hạn sinh thái từ $5,6^0$C đến 42^0C. Điều giải thích nào dưới đây là đúng?

A. Nhiệt độ $5,6^0$C gọi là giới hạn dưới, 42^0C gọi là giới hạn trên.

B. Nhiệt độ dưới $5,6^0$C gọi là giới hạn dưới, 42^0C gọi là giới hạn trên.

C. Nhiệt độ $5,6^0$C gọi là giới hạn dưới, trên 42^0C gọi là giới hạn trên.

D. Nhiệt độ dưới $5,6^0$C gọi là giới hạn trên, 42^0C gọi là giới hạn dưới.

Tổ: Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

Câu 31: Ở một loài thực vật, gen A qui định tính trạng hạt đỏ trội hoàn toàn so với gen a qui định tính trạng lặn hạt màu trắng. Trong một phép lai, nếu ở thế hệ F_1 có tỉ lệ 35 cây hạt đỏ: 1 cây hạt trắng thì kiểu gen của các cây bố mẹ là:

A. AAa x AAa. **B.** AAa x AAaa. **C.** AAaa x AAaa. **D.** A, B, C đúng.

Câu 32: Trong đợt rét hại tháng 1-2/2008 ở Việt Nam, rau và hoa quả mất mùa, cỏ chết và ếch nhái ít hẳn là biểu hiện:

A. Biến động tuần trăng. **B.** Biến động theo mùa

C. Biến động nhiều năm. **D.** Biến động không theo chu kì

Câu 33: Một nữ bình thường (1) lấy chồng (2) bị bệnh máu khó đông sinh được một con trai (3) bị bệnh máu khó đông. Người con trai này lớn lên lấy vợ (4) bình thường và sinh được một bé trai (5) cũng bị bệnh như bố. Hãy xác định kiểu gen của 5 người trong gia đình trên.

A. (1)XX, (2)XY^A, (3)XY^A, (4)XX, (5)XY^A. **B.** (1)X^AX^A, (2)X^aY, (3)X^AY, (4)X^aX^a, (5)X^aY.

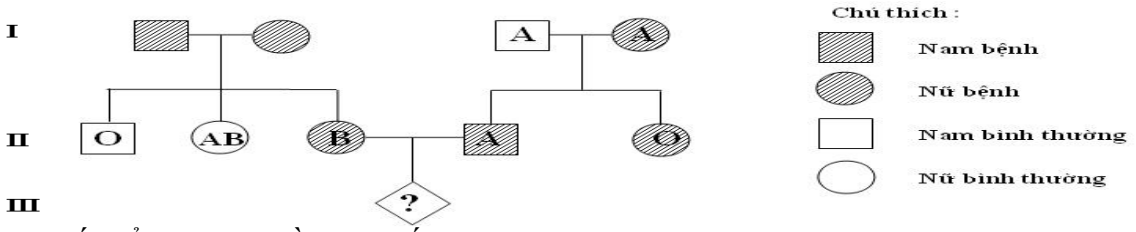
C. (1)X^AX^a, (2)X^aY, (3)X^aY, (4)X^AX^a, (5)X^aY. **D.** (1)XX, (2)XY^a, (3)XY^a, (4)XX, (5)XY^a.

Câu 34:Ở một loài, gen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với gen a quy định thân thấp. Giả thiết hạt phấn (n+1) không có khả năng thụ tinh, noãn (n+1) vẫn thụ tinh bình thường. Cho phép lai P: ♂ AAa x ♀ Aaa. Tỉ lệ kiểu hình ở F_1 là

A/5 thân cao : 1 thân thấp B/35 thân cao: 1 thân thấp

C/11 thân cao: 1 thân thấp. D/3 thân cao: 1 thân thấp.

Câu 35: Sự di truyền một bệnh ở người do một trong hai alen của gen quy định và được thể hiện qua sơ đồ phả hệ dưới đây. Các chữ cái cho biết các nhóm máu tương ứng của mỗi người. Biết rằng sự di truyền bệnh trên độc lập với sự di truyền các nhóm máu, quá trình giảm phân bình thường và không có đột biến xảy ra.



Xác suất để cặp vợ chồng ở thế hệ thứ II trong gia đình sinh người con có nhóm máu O và không bị bệnh trên là **A.** $\frac{1}{24}$. **B.** $\frac{1}{36}$. **C.** $\frac{1}{48}$. **D.** $\frac{1}{64}$.

Câu 36:Ở một loài thực vật, khi tiến hành phép lai thuận nghịch, người ta thu được kết quả như sau:

Phép lai thuận: Lấy hạt phấn của cây hoa đỏ thụ phấn cho cây hoa trắng, thu được F_1 toàn cây hoa trắng.

Phép lai nghịch: Lấy hạt phấn của cây hoa trắng thụ phấn cho cây hoa đỏ, thu được F_1 toàn cây hoa đỏ.

Lấy hạt phấn của cây F_1 ở phép lai thuận thụ phấn cho cây F_1 ở phép lai nghịch thu được F_2. Theo lý thuyết F_2, ta có

A/75% cây hoa trắng, 25% cây hoa đỏ B/100% cây hoa đỏ.

C/100% cây hoa trắng. D/75% cây hoa đỏ, 25% cây hoa trắng.

Câu 37: Ở một loài thực vật, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Một quần thể ban đầu gồm các cây có hoa màu đỏ, tiếp tục cho các cây trong quần thể ban đầu tự thụ phấn, ở thế hệ tiếp theo thu được 10000 cây, trong đó có 300 cây có hoa màu trắng. Cấu trúc di truyền của quần thể ban đầu là

Tổ Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

A. 0,92AA : 0,08Aa. **B.** 0,88AA : 0,12Aa.
C. 0,64AA : 0,32Aa : 0,04aa. **D.** 0,12AA : 0,88Aa.

Câu 38: Trong tiến hoá, chọn lọc tự nhiên được xem là nhân tố tiến hoá cơ bản nhất vì

A. chọn lọc tự nhiên quy định chiều hướng, tốc độ, nhịp điệu biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

B. chọn lọc tự nhiên làm tăng cường sự phân hoá kiểu gen trong quần thể gốc.

C. chọn lọc tự nhiên diễn ra với nhiều hình thức khác nhau.

D. chọn lọc tự nhiên đảm bảo sự sống sót của những cá thể thích nghi nhất.

Câu 39: Ở người, gen quy định nhóm máu có 3 alen (I^A, I^B, I^O) nằm trên nhiễm sắc thể thường, trong đó alen I^A và I^B trội hoàn toàn so với alen I^O, hai alen I^A và I^B đồng trội. Một quần thể người ở trạng thái cân bằng di truyền có tỷ lệ các nhóm máu như sau: nhóm máu A = 40%; nhóm máu O = 9%. Tần số tương đối của các alen I^A, I^B và I^O là

A. $I^A = 0,4$; $I^B = 0,3$; $I^O = 0,3$. **B.** $I^A = 0,3$; $I^B = 0,4$; $I^O = 0,3$.
C. $I^A = 0,5$; $I^B = 0,2$; $I^O = 0,3$. **D.** $I^A = 0,2$; $I^B = 0,5$; $I^O = 0,3$.

Câu 40: Cho biết các quần thể giao phối có thành phần kiểu gen như sau:

Quần thể 1: 36% AA : 48% Aa : 16% aa;
Quần thể 2: 45% AA : 40% Aa : 15% aa;
Quần thể 3: 49% AA : 42% Aa : 9% aa;
Quần thể 4: 42,25% AA : 45,75% Aa : 12% aa;
Quần thể 5: 56,25% AA : 37,5% Aa : 6,25% aa;
Quần thể 6: 56% AA : 32% Aa : 12% aa.

Những quần thể nào đang ở trạng thái cân bằng Hacđi - Vanbec ?

A. 1,3,5. **B.** 1,4,6. **C.** 4,5,6. **D.** 2,4,6.

Câu 41: Cho các bệnh, tật và hội chứng di truyền sau đây ở người:

1. Bệnh pheninketo niệu.
2. Bệnh ung thư máu.
3. Tật có túm lông ở vành tai.
4. Bệnh bạch tạng.
5. Bệnh mù màu.
6. Hội chứng Tơcnơ.
7. Hội chứng Đao.
8. Hội chứng Claiphentơ.
9. Hội chứng Siêu nữ.
10. Bệnh máu khó đông.

Bệnh, tật và hội chứng di truyền do đột biến gen lặn trên NST thường quy định là

A. 6, 7, 8, 9. **B.** 2, 4, 5. **C.** 3, 5, 10. **D.** 1, 4.

Câu 42: Nếu sản phẩm giảm phân của một tế bào sinh giao tử gồm 3 loại (n); (n+1); (n−1) và từ đó sinh ra một người con bị hội chứng siêu nữ thì chứng tỏ đã xảy ra sự rối loạn phân ly của 1 cặp NST ở

A. giảm phân I của bố hoặc giảm phân II của mẹ. **B.** giảm phân I của mẹ hoặc giảm phân II của bố.
C. giảm phân I của mẹ hoặc bố. **D.** giảm phân II của mẹ hoặc bố.

Câu 43: Tập hợp nào sau đây không phải là quần thể?

(1) Một đàn sói sống trong rừng.(2) Một lồng gà bán ngoài chợ.

(3) Đàn cá rô phi đơn tính sống dưới ao.(4) Một đàn gà nuôi.(5) Một rừng cây.

Phương án đúng là

A. (2), (3), (5). B. (2), (5). C. (1), (2), (4). D. (2), (3), (4).

Câu 44. Quan hệ giữa lúa với cỏ dại thuộc quan hệ:

A. hợp tác. B. cạnh tranh. C. hãm sinh. D. hội sinh.

Câu 45. Một quần thể với cấu trúc 3 nhóm tuổi: trước sinh sản, đang sinh sản và sau sinh sản sẽ bị diệt vong khi mất đi nhóm:

Tổ: Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên

A. trước sinh sản. B. đang sinh sản. C. trước sinh sản và đang sinh sản. D. đang sinh sản và sau sinh sản.

Câu 46: Mầm mống những cơ thể đầu tiên được hình thành trong giai đoạn:

A. Tiến hoá hoá học B. Tiến hoá lí học

C. Tiến hoá tiền sinh học D. Tiến hoá sinh học

Câu 47: Việc phân định các mốc thời gian trong lịch sử quả đất căn cứ vào:

A. Sự dịch chuyển của các đại lục

B. Xác định tuổi của các lớp đất và hoá thạch

C. Những biến đổi lớn về địa chất và khí hậu và các hoá thạch điển hình

D. Độ phân rã của các nguyên tố phóng xạ

Câu 48.Có các loại môi trường sống chủ yếu của sinh vật là môi trường

A. trong đất, môi trường trên cạn, môi trường dưới nước.

B. vô sinh, môi trường trên cạn, môi trường dưới nước.

C. trong đất, môi trường trên cạn, môi trường nước ngọt, nước mặn.

D. trong đất, môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường sinh vật.

Câu 49.Đặc điểm cơ bản phân biệt người với động vật là

A. biết giữ lửa và dùng lửa để nấu chín thức ăn.

B. đi bằng hai chân, hai tay tự do, dáng đứng thẳng.

C. sọ não lớn hơn sọ mặt, não to, có nhiều khúc cuộn và nếp nhăn.

D. biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động theo những mục đích nhất định.

Câu 50: Trong thiên nhiên, kiểu phân bố nào của các cá thể trong quần thể xảy ra phổ biến nhất?

A. phân bố theo nhóm **B.** phân bố đặc trưng **C.** phân bố ngẫu nhiên **D.** phân bố đồng đều

Tổ: Sinh học - Trường THPT Nguyễn Thái Bình - Phú Yên